ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHƯỚC HÒA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 545 /QĐ-UBND	*Phước Hòa, ngày 24 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán thu - chi ngân sách xã năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách số 83/2015/QH[13] ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 12959/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của UBND huyện Tuy Phước về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND, ngày 20/12/2024 của HĐND xã khóa XIII tại kỳ họp lần thứ 11, về dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2025.

Theo đề nghị của bộ phận Tài chính - Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 cho các ban, ngành, đoàn thể đơn vị dự toán trên địa bàn xã, tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách xã năm 2024 được giao, bộ phận tài chính - kế toán xã, trưởng các ban, ngành, đoàn thể có trách nhiệm:

1. Tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn để cải cách tiền lương năm 2024 từ một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của đơn vị; tiết kiệm 10% số chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ), nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2024 còn dư chuyển sang. Đồng thời, dành 70% nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách so với dự toán năm 2024 để tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2025 tích lũy giai đoạn 2022-2025.

2. Tăng cường quản lý chi tiêu đảm bảo tiết kiệm, chặt chẽ và hiệu quả. Đảm bảo nguồn thực hiện các chế độ, chính sách đã ban hành và đảm bảo an sinh xã hội

3. Về giải ngân vốn đầu tư XDCB: ưu tiên giải quyết trả nợ các công trình đã quyết toán năm trước chuyển sang, các công trình bố trí vốn có nguồn mục tiêu

Điều 3. Giao bộ phận Tài chính - kế toán hướng dẫn cụ thể việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Văn phòng UBND xã, bộ phận Tài chính - kế toán xã, trưởng các ban, ngành, đoàn thể xã có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Phòng TC-KH huyện (B/c);
- TT Đảng uỷ;
- TT HĐND xã;
- CT, các PCT xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Huỳnh Thanh Vương

Số: 545/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2024-12-24T09:30:41+07:00

Tỉnh: Bình Định
Huyện: Tuy Phước
Xã: Phước Hòa

Mẫu biểu số 01

BIỂU CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Theo TT số 344/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND xã Phước Hoà)

Đơn vị tính : đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	**16.975.000.000**	**TỔNG SỐ CHI**	**16.975.000.000**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	**2.052.000.000**	**I.Chi đầu tư phát triển**	**6.000.000.000**
II. Các khoản thu phân chia	**7.190.000.000**	**II.Chi thường xuyên**	**10.795.000.000**
theo tỷ lệ %			
III. Thu bổ sung ngân sách	**6.910.000.000**	**III. Dự phòng chi**	**180.000.000**
- Bổ sung cân đối	6.910.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV.Thu kết dư ngân sách		**IV.Thu kết dư ngân sách**	
V.Thu chuyển nguồn	**823.000.000**	**V.Thu chuyển nguồn**	

Số: 545/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2024-12-24T09:30:20+07:00

Tỉnh: Bình Định
Huyện: Tuy Phước
Xã: Phước Hòa

Mẫu biểu số 02

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Theo TT số 344/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND xã Phước Hoà)

Đơn vị tính : đồng

NỘI DUNG	Ước thực hiện năm 2024		Dự toán năm 2025		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	*2*	*3*	*4*	*5=3/1*	*6=4/2*
TỔNG SỐ THU	**22.800.000.000**	**55.615.621.000**	**26.380.000.000**	**16.975.000.000**	**115,70**	**30,52**
I/ Các khoản thu 100%	**1.767.000.000**	**2.165.070.000**	**2.052.000.000**	**2.052.000.000**	**116,13**	**94,78**
Phí, lệ phí	130.000.000	134.244.000	132.000.000	132.000.000		
Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.537.000.000	1.958.700.000	1.820.000.000	1.820.000.000		
Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	40.000.000	6.500.000	40.000.000	40.000.000		
Thu khác	60.000.000	65.626.000	60.000.000	60.000.000		
II/Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	**13.695.000.000**	**26.587.731.000**	**16.595.000.000**	**7.190.000.000**	**121,18**	**27,04**
1/ Các khoản thu phân chia	**275.000.000**	**761.118.000**	**625.000.000**	**625.000.000**	**227,27**	**82,12**
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	50.000.000	57.790.000	60.000.000	60.000.000		
Lệ phí trước bạ xe, nhà đất	225.000.000	703.328.000	565.000.000	565.000.000		
2/ Các khoản thu khác phân chia do cấp tỉnh qui định	**13.420.000.000**	**25.826.613.000**	**15.970.000.000**	**6.565.000.000**	**119,00**	**25,42**
Thuế thu nhập doanh nghiệp	950.000.000	56.424.000	850.000.000	85.000.000		
Thuế giá trị gia tăng	5.000.000.000	474.189.000	4.800.000.000	480.000.000		
Thuế tài nguyên	5.000.000		5.000.000			
Thuế thu nhập cá nhân	305.000.000		305.000.000			
Thuế tiêu thụ đặc biệt	10.000.000		10.000.000			
Thu tiền sử dụng đất	7.150.000.000	25.296.000.000	10.000.000.000	6.000.000.000		
IV/ Thu chuyển nguồn	**878.000.000**	**4.175.344.000**	**823.000.000**	**823.000.000**		**19,71**
VI/ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	**6.460.000.000**	**22.687.476.000**	**6.910.000.000**	**6.910.000.000**	**106,97**	**30,46**
-Bổ sung cân đối	4.560.000.000	4.376.360.000	6.910.000.000	6.910.000.000		
-Bổ sung có mục tiêu	1.900.000.000	18.311.116.000				

Số: 545/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2024-12-24T09:30:08+07:00

Tỉnh: Bình Định
Huyện: Tuy Phước
Xã: Phước Hòa

Mẫu biểu số 03

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Theo TT số 344/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND xã Phước Hoà)

Đơn vị tính : đồng

NỘI DUNG	Ước thực hiện năm 2024			Dự toán năm 2025			SO SÁNH (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8=5/2	9=6/3	10=7/4
TỔNG SỐ CHI	**54.054.289.000**	**37.548.407.000**	**16.505.882.000**	**16.975.000.000**	**6.000.000.000**	**10.975.000.000**	**31,40**	**15,98**	**66,49**
1/Chi công tác DQTV, TTATXH	**934.222.000**	**10.783.000**	**923.439.000**	**1.353.000.000**	**0**	**1.353.000.000**	**144,83**	**0,00**	**146,52**
-Chi công tác dân quân tự vệ	488.174.000	10.783.000	477.391.000	597.000.000		597.000.000	122,29		125,05
-Chi trật tự an toàn xã hội	446.048.000		446.048.000	756.000.000		756.000.000	169,49		169,49
2/Chi giáo dục	**407.646.000**	**407.646.000**		**1.000.000.000**	**1.000.000.000**				
3/Chi y tế	**0**	**0**		**0**					
4/Chi văn hóa, thông tin	**56.831.000**	**20.885.000**	**35.946.000**	**1.165.000.000**	**1.000.000.000**	**165.000.000**	**2.049,94**	**4.788,13**	**459,02**
5/Chi phát thanh, truyền hình	**93.100.000**		**93.100.000**	**155.000.000**		**155.000.000**	**166,49**		**166,49**
6/Chi thể dục, thể thao	**54.830.000**		**54.830.000**	**130.000.000**		**130.000.000**	**237,10**		**237,10**
7/Chi bảo vệ môi trường	**1.354.082.000**		**1.354.082.000**	**250.000.000**		**250.000.000**	**18,46**		**18,46**
8/Chi các hoạt động kinh tế	**40.336.709.000**	**37.109.093.000**	**3.227.616.000**	**3.810.000.000**	**3.000.000.000**	**810.000.000**	**9,45**	**8,08**	**25,10**
- Giao thông	37.134.093.000	37.109.093.000	25.000.000	530.000.000	500.000.000	30.000.000	1,43	1,35	120,00
- Thủy lợi	183.242.000		183.242.000	520.000.000	500.000.000	20.000.000	283,78		10,91
- Nông-Lâm-Hải sản	52.089.000		52.089.000	50.000.000		50.000.000	95,99		95,99
- Thị chính	2.967.285.000		2.967.285.000	2.710.000.000	2.000.000.000	710.000.000	91,33	#DIV/0!	23,93
9/Chi quản lý NN,Đảng,Đoàn thể	**6.060.603.000**	**0**	**6.060.603.000**	**8.748.000.000**	**1.000.000.000**	**7.748.000.000**	**144,34**		**127,84**
Trong đó : Qũi lương		*0*	*2.520.987.000*			*6.920.000.000*			274,50
9.1.Chi quản lý nhà nước	3.128.169.000		3.128.169.000	4.962.000.000	1.000.000.000	3.962.000.000	158,62		126,66
9.2.Chi Khối Đảng	1.077.925.000	0	1.077.925.000	1.502.000.000		1.502.000.000	139,34		139,34
9.3.Chi Mặt trận tổ quốc Việt Nam	721.263.000	0	721.263.000	932.000.000		932.000.000	129,22		129,22
9.4.Chi Đoàn thanh niên CS-HCM	281.403.000	0	281.403.000	288.000.000		288.000.000	102,34		102,34
9.5.Chi Hội liên hiệp phụ nữ việt nam	251.916.000	0	251.916.000	289.000.000		289.000.000	114,72		114,72
9.6.Chi Hội nông dân Việt Nam	286.008.000	0	286.008.000	340.000.000		340.000.000	118,88		118,88
9.7.Chi Hội CCB Việt Nam	153.674.000	0	153.674.000	261.000.000		261.000.000	169,84		169,84
9.8. Chi hỗ trợ khác (nếu có)	160.245.000	0	160.245.000	174.000.000		174.000.000	108,58		108,58

NỘI DUNG	Ước thực hiện năm 2024			Dự toán năm 2025			SO SÁNH (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
- Chi Hội Chữ thập đỏ	44.370.000	0	44.370.000	38.000.000		38.000.000	85,64		85,64
- Chi Hội Người Cao tuổi	46.804.000	0	46.804.000	38.000.000		38.000.000	81,19		81,19
- Chi Hội Khuyến học	44.231.000	0	44.231.000	66.000.000		66.000.000	149,22		149,22
- Chi Hội Cựu tù chính trị	24.840.000	0	24.840.000	32.000.000		32.000.000	128,82		128,82
11/Chi công tác xã hội	**694.806.000**	**0**	**694.806.000**	**154.000.000**		**154.000.000**	**22,16**		**22,16**
- Khác	694.806.000		694.806.000	154.000.000		154.000.000	22,16		22,16
12/Chi khác	**823.000.000**	**0**	**823.000.000**	**30.000.000**		**30.000.000**	**3,65**		**3,65**
13/Dự phòng chi	**0**	**0**		**180.000.000**		**180.000.000**			
14/ Chi chuyển nguồn	**3.238.460.000**		**3.238.460.000**						

Số: 545/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2024-12-24T09:28:29+07:00

Tỉnh: Bình Định
Huyện: Tuy Phước
Xã: Phước Hòa

Mẫu biểu số 04

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2025

(Theo TT số 344/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính)
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND xã Phước Hoà)

ĐVT : triệu đồng

TT	Tên công trình	Thời gian KC - HT	Tổng DT được duyệt		Gía trị thực hiện đến 31-12-2024	Gía trị thanh toán đến 31-12-2024	Dự toán năm 2025			
			Tổng số	T.đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Tđó : TT khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn CĐNS	Nguồn đóng góp
	TỔNG SỐ						**34.730**	**680**	**34.050**	
	Công trình trả nợ						**680**	**680**	**0**	
1	Nâng cấp đường giao thông phía bắc hạ lưu cầu Gò Bồi đến trường Tiểu học Tân Giản	2021-2023					5	5		
2	Nâng cấp bê tông nhựa mặt đường BT GT khu QH dân cư Kim Tây	2021-2023					5	5		
3	Xây dựng công viên cây xanh thôn Kim Tây	2021-2023					5	5		
4	Mở rộng đường giao thông đốc bà Cà thôn Kim Tây	2021-2023					5	5		
5	Gia cố mái Taluy Bình Lâm - Tân Mỹ	2021-2023					5	5		
6	Gia cố đê kết hợp giao thông thôn Kim Đông	2021-2023					5	5		
7	Bê tông nhựa tuyến đường cầu Tân Mỹ đến Tháp Bình Lâm	2021-2023					5	5		
8	Xây dựng tường rào trường Mầm non xã Phước Hòa	2021-2023					5	5		
9	Nâng cấp bê tông sân trường Trung học cơ sở Hòa Thắng	2021-2023					5	5		
10	Sửa chữa đường giao thông thôn Bình Lâm (Đội 2)	2021-2023					5	5		
11	Sửa chữa nhà VH Bình Lâm, Tân Mỹ	2021-2023					5	5		
12	Xây dựng tường rào nhà VH Kim Tây	2021-2023					5	5		
13	Sửa chữa nhà VH Tân Giản, Huỳnh Giản Bắc	2021-2023					5	5		
14	Xây dựng cổng chào Tân Giản, Kim Tây, Kim Đông	2021-2023					5	5		
15	Kiên cố hóa kênh mương đội 12 thôn Kim Tây	2021-2023					5	5		
16	Kiên cố hóa kênh mương đội 9+10 thôn Kim Tây	2021-2023					5	5		
17	Kiên cố hóa kênh mương Kim Đông	2021-2023					5	5		
18	Kiên cố hóa kênh mương Bình Lâm	2021-2023					5	5		

TT	Tên công trình	Thời gian KC - HT	Tổng DT được duyệt		Gía trị thực hiện đến 31-12-2024	Gía trị thanh toán đến 31-12-2024	Dự toán năm 2025			
			Tổng số	T.đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Tđó : TT khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn CĐNS	Nguồn đóng góp
19	Kiên cố hóa kênh mương Hữu Thành	2021-2023					5	5		
20	Kiên cố hóa kênh mương Tân Giản	2021-2023					5	5		
21	Kiên cố hóa kênh mương Kim Xuyên	2021-2023					5	5		
22	Đối ứng chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng đất đồn công an	2021-2023					5	5		
23	Chi phí bồi thường giải phóng mặt băng trường tiểu học số 2 Phước Hòa	2021-2023					5	5		
24	Sửa chữa mở rộng đường đường giao thông thôn Kim Đông	2021-2023					5	5		
25	Nâng cấp bê tông, nhựa đội 12 thôn Kim Tây	2021-2023					5	5		
26	Gia cố đê Huỳnh Lũy thôn Bình Lâm	2021-2023					5	5		
27	Sửa chữa đê Kim tây	2021-2023					5	5		
28	Bê tông nhựa trước cổng Ủy ban, nghĩa trang liệt sỹ, trường THCS và trường THPT số 3 Tuy Phước	2021-2023					5	5		
29	Xây dựng tường rào nâng cấp sân trường tiểu học số 2 Phước Hòa	2021-2023					5	5		
30	BTGT thôn Tùng Giản (đoạn trước nhà thờ đến ngã cua Tùng Đình)	2021-2023					5	5		
31	Nâng cấp đường giao thông kết hợp tràn tắc ông Tiêu Huỳnh Giản Bắc	2021-2023					5	5		
32	Xây dựng công viên cây xanh chợ Gò Bồi	2021-2023					5	5		
33	Xây dựng lát vỉa đường giao thông khu quy hoạch dân cư chợ Gò Bồi	2021-2023					5	5		
34	Chi phí quyết toán các công trình	2021-2023					5	5		
35	Mở rộng giao thông cổng tiêu 14 Kim Đông	2021-2023					5	5		
36	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu sinh hoạt văn hóa thể thao xã Phước Hòa	2021-2023					5	5		
37	Nâng cấp mở rộng tuyến từ ĐT 640 đến dốc ông Mạnh và đoạn từ trường mầm non đến gò Khách	2021-2023					5	5		
38	Xây dựng nhà làm việc BCH Quân sự xã Phước Hòa	2021-2023					5	5		
39	Bê tông nhựa tuyến đường phố chợ Gò Bồi	2021-2023					5	5		
40	Xây dựng mặt đường bê tông nhựa khu quy hoạch dân cư chợ Gò Bồi	2021-2023					5	5		

TT	Tên công trình	Thời gian KC - HT	Tổng DT được duyệt		Gía trị thực hiện đến 31-12-2024	Gía trị thanh toán đến 31-12-2024	Dự toán năm 2025			
			Tổng số	T.đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Tđó : TT khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn CĐNS	Nguồn đóng góp
41	Bê tông nhựa tuyến đường tháp Bình Lâm đi cầu Đun	2021-2023					5	5		
42	Xây dựng cổng chào đèn led khu phố chợ Gò Bồi cũ	2021-2023					5	5		
43	Xây dựng tường rào trường Tiểu học số 1 Phước Hòa	2021-2023					5	5		
44	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các điểm dân cư năm 2021 xã Phước Hòa	2021-2023					5	5		
45	Màn hình led nhà văn hóa và UBND xã	2021-2023					5	5		
46	Nâng cấp sân trạm y tế và sân thể thao thôn Kim Xuyên	2021-2023					5	5		
47	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng khu QH dân cư thôn Kim Tây	2021-2023					5	5		
48	Sửa chữa, nâng cấp bê tông nhựa đường vào tháp Bình Lâm	2021-2023					5	5		
49	Sửa chữa đê Ba trứ thôn Bình Lâm	2021-2023					5	5		
50	KPLL năm 2021 các công trình giao thông Bình Lâm, Tân Mỹ, Tùng Giản	2021-2023					5	5		
51	Khắc phục lũ lụt năm 2021 Bờ bao nội đồng thôn Kim Đông	2021-2023					5	5		
52	Bê tông bãi đậu xe chợ Gò Bồi	2021-2023					5	5		
53	Xây dựng đường giao thông thôn Tân Mỹ	2021-2023					5	5		
54	Kiên cố hóa kênh mương Tân Giản	2021-2023					5	5		
55	Kiên cố hóa kênh mương Tùng Giản	2021-2023					5	5		
56	Kiên cố hóa kênh mương đội 13 Kim Tây	2021-2023					5	5		
57	Kiên cố hóa kênh mương đội 9+10 Kim Tây	2021-2023					5	5		
58	Kiên cố hóa kênh mương Kim Xuyên	2021-2023					5	5		
59	Kiên cố hóa kênh mương Hữu Thành	2021-2023					5	5		
60	Xây dựng đường giao thông thôn Hữu Thành	2021-2023					5	5		
61	Nâng cấp sửa chữa chợ Trường Thế thôn Hữu Thành	2021-2023					5	5		
62	Gia cố sửa chữa nâng cấp mái đê thượng lưu gò Giàn Bầu thuộc thôn Bình Lâm, xã Phước Hòa	2021-2023					5	5		
63	Sữa chữa đê Hầm Bà Hoạch thôn Kim Tây, xã Phước Hòa	2021-2023					5	5		
64	Sửa chữa đê Bảy Phương Tân Mỹ	2021-2023					5	5		
65	XD hệ thống điện chiếu sáng ĐT 640 - dốc bà Cà	2021-2023					5	5		

TT	Tên công trình	Thời gian KC - HT	Tổng DT được duyệt		Gía trị thực hiện đến 31-12-2024	Gía trị thanh toán đến 31-12-2024	Dự toán năm 2025			
			Tổng số	T.đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Tđó : TT khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn CĐNS	Nguồn đóng góp
66	XD hệ thống điện chiếu sáng ĐT 640 - tháp Bình Lâm	2021-2023					5	5		
67	XD hệ thống điện chiếu sáng từ ngã ba dốc Mạnh - đập Nha Phu	2021-2023					5	5		
68	XD hệ thống điện chiếu sáng khu Chứng tích - cổng Tân Giản	2021-2023					5	5		
69	XD hệ thống điện chiếu sáng ĐT 640 - Kim Đông	2021-2023					5	5		
70	XD hệ thống điện chiếu sáng tuyến từ tháp Bình Lâm đến Tân Mỹ giáp Phước Quang	2021-2023					5	5		
71	XD hệ thống điện chiếu sáng thôn Huỳnh Giản Bắc	2021-2023					5	5		
72	XD hệ thống điện chiếu sáng thôn Huỳnh Giản Nam	2021-2023					5	5		
73	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu quy hoạch thôn Kim Tây Trước nhà Võ Bảy)	2021-2023					5	5		
74	Xây dựng cầu ông Tường kết hợp nâng cấp mở rộng đoạn giao thông thôn Kim Đông xã Phước Hòa	2021-2023					165	165		
75	Kiên cố hóa kênh mương Bình Lâm	2021-2023					5	5		
76	Kiên cố hóa kênh mương Tân Mỹ	2021-2023					5	5		
77	Kiên cố hóa kênh mương Kim Đông	2021-2023					5	5		
78	Bê tông giao thông đường nội đồng đội 17 thôn Hữu Thành	2021-2023					5	5		
79	Bê tông giao thông đường nội đồng đội 25 thôn Hữu Thành	2021-2023					5	5		
80	Bê tông giao thông thôn Kim Xuyên	2021-2023					5	5		
81	Bê tông đường nội đồng thôn Kim Tây	2021-2023					5	5		
82	Nâng cấp bê tông nhựa mặt đường đoạn từ trường TH đến cổng Tân Giản	2021-2023					5	5		
83	KP, SC đê Huỳnh Lũy thôn Bình lâm xã Phước Hòa	2021-2023					5	5		
84	KP, SC đê trước xóm ông Tài thôn Hữu Thành xã Phước Hòa	2021-2023					5	5		
85	NC GT đường BT Huỳnh Giản Nam (đoạn câu Huỳnh Đông - cổng Hà Dơi)	2021-2023					5	5		
86	KCHKm đội 10 Kim Tây + đội 19 thôn Tùng Giản	2021-2023					5	5		
87	KCHKM tuyến N1-1 thôn Bình Lâm	2021-2023					5	5		
88	Sửa chữa gia cô đoạn đê hạ lưu Giản Bâu thôn Bình Lâm xã Phước Hòa	2021-2023					5	5		
89	KCHKM đội 13 Kim Tây	2021-2023					5	5		

TT	Tên công trình	Thời gian KC - HT	Tổng DT được duyệt		Gía trị thực hiện đến 31-12-2024	Gía trị thanh toán đến 31-12-2024	Dự toán năm 2025			
			Tổng số	T.đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Tđó : TT khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn CĐNS	Nguồn đóng góp
90	Xây dựng đường giao thông đội 24 thôn Tân Giản	2021-2023					5	5		
91	Kiên cố hóa kênh mương thôn Tân Mỹ 2024	2021-2023					5	5		
92	Nâng cấp sân nền trường Mầm non xã Phước Hòa (gồm Trường cụm chính và cụm thôn Huỳnh Giản Bắc)	2021-2023					5	5		
93	XD hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường thôn Huỳnh Giản Nam, Huỳnh Giản Bắc, cầu Tân Mỹ đến giáp tràn ba xã Phước Quang, trường Tiểu Học đến cổng công trường Tân Giản	2021-2023					5	5		
94	XD hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường thôn Kim Đông và tuyến đập Nha Phu đến 636 Kim Xuyên	2021-2023					5	5		
95	XD hệ thống điện chiếu sáng từ cầu Đun đến trường mẫu giáo Bình Lâm	2021-2023					5	5		
96	XD hệ thống điện chiếu sáng từ đập Nha Phu đến chùa Thiên Trúc	2021-2023					5	5		
97	Sửa chữa đê bờ bắc hạ lưu Đập cát Bình Lâm	2021-2023					5	5		
98	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng thôn Hữu Thành	2021-2023					5	5		
99	Kiên cố hóa kênh mương thôn Bình Lâm năm 2024	2021-2023					5	5		
100	Gia cố mái taluy đường giao thông hạ lưu tràn 3 xã thôn Tân Mỹ	2021-2023					5	5		
101	Nâng cấp, mở rộng BT nhựa mặt đường đoạn từ ĐT 640 Kim Tây đến ĐT 636 Kim Xuyên	2021-2023					5	5		
102	NC, BT nhựa mặt đường đoạn từ Đập bà Ưa đến thôn Kim Đông	2021-2023					5	5		
103	NC, MR BT nhựa mặt đường đoạn từ câu Tân Mỹ đên giáp Phước Quang	2021-2023					5	5		
104	Kiên cố hóa kênh mương thôn Kim Đông năm 2024	2021-2023					5	5		
II	**Công trình chuyển tiếp**						**19.050**	**0**	**19.050**	
	Giáo dục - 070						**3.700**		**3.700**	
1	Xây dựng nhà đa năng Trường tiểu học số 2 Phước Hòa	2023-2024					3.700		3.700	
	Văn hóa thông tin - 161						**5.200**		**5.200**	
2	XD NVH, tường rào cổng ngõ và công viên cây xanh thôn Tùng Giản xã Phước Hòa	2023-2024					5.200		5.200	

TT	Tên công trình	Thời gian KC - HT	Tổng DT được duyệt		Gía trị thực hiện đến 31-12-2024	Gía trị thanh toán đến 31-12-2024	Dự toán năm 2025			
									Chia theo nguồn vốn	
			Tổng số	T.đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Tđó : TT khối lượng năm trước	Nguồn CĐNS	Nguồn đóng góp
	Thể dục thể thao - 221						**2.800**		**2.800**	
3	Nâng cấp sân vận động bóng đá tại Khu sinh hoạt văn hóa thể thao xã Phước Hòa	2023-2024					2.800		2.800	
	Thủy lợi - 283						**2.850**		**2.850**	
4	Kiên cố hóa kênh mương tuyến kênh chùa Bảy Mận	2023-2024					1.200		1.200	
5	Kiên cố hóa kênh mương Kim Tây năm 2024	2023-2024					1.000		1.000	
6	Kiên cố hóa kênh mương thôn Kim Xuyên năm 2024	2023-2024					350		350	
7	Kiên cố hóa kênh mương thôn Tân Giản năm 2024	2023-2024					300		300	
	Kiến thiết thị chính - 312						**4.500**		**4.500**	
8	XD công viên cây xanh nằm phía nam vị trí số 01 khu dân cư trước nhà ông Võ Bảy thôn Kim Tây	2023-2024					2.000		2.000	
9	Thiết kế cải tạo cảnh quan kiến trúc và môi trường trong toàn bộ không gian điểm du lịch vừa bảo tồn bản sắc truyền thống vừa bảo tồn điều kiện vệ sinh, thuận tiện sinh thái	2023-2024					200		200	
10	Cải tạo nâng cấp và hoàn thiện bãi đỗ xe chung có diện tích tối thiểu 500m2	2023-2024					2.000		2.000	
11	Xây dựng nhà vệ sinh công cộng phục vụ khách du lịch đạt tiêu chuẩn theo quy định tại quyết định số 225/QĐ-TCDL ngày 08/5/2013 của Tổng cục duc lịch có diện tích tối thiểu 30m2	2023-2024					300		300	
III	**Danh mục năm 2025**						**15.000**	**0**	**15.000**	**0**
	Giáo dục - 070						**50**		**50**	
1	Nâng cấp sân nên, tường rào công ngõ trường TH số 1 Phước Hòa	2025					50		50	
	Văn hóa thông tin - 161						**350**		**350**	
2	Xây dựng nhà văn hóa, tường rào cổng ngõ thôn Huỳnh Giản Bắc	2025					50		50	
3	Sửa chữa NVH thôn Hữu Thành	2025					50		50	
4	Sửa chữa NVH thôn Huỳnh Giản Nam	2025					50		50	

TT	Tên công trình	Thời gian KC - HT	Tổng DT được duyệt		Gía trị thực hiện đến 31-12-2024	Gía trị thanh toán đến 31-12-2024	Dự toán năm 2025			
			Tổng số	T.đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Tđó : TT khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn CĐNS	Nguồn đóng góp
5	Sửa chữa NVH thôn Kim Đông	2025					50		50	
6	Xây dựng NVH thôn Kim Xuyên	2025					50		50	
7	Mua sắm trang thiết bị các nhà văn hóa	2025					50		50	
8	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Bình Lâm	2025					50		50	
	Thủy lợi - 283						**300**		**300**	
9	Kiên cố hóa kênh mương thôn Bình Lâm năm 2025	2025					50		50	
10	Kiên cố hóa kênh mương thôn Kim Tây năm 2025	2025					50		50	
11	Kiên cố hóa kênh mương thôn Kim Xuyên năm 2025	2025					50		50	
12	Kiên cố hóa kênh mương thôn Tân Giản năm 2025	2025					50		50	
13	Kiên cố hóa kênh mương thôn Tùng Giản năm 2025	2025					50		50	
14	Kiên cố hóa kênh mương thôn Hữu Thành năm 2025	2025					50		50	
	Giao thông - 292						**8.050**		**8.050**	
15	Đầu tư xây dựng cải tạo đường giao thông nội bộ trong các điểm phát triển du lịch nông nghiệp	2025					8.000		8.000	
16	Nâng cấp đường giao thông xóm Huỳnh Nam thôn Huỳnh Giản Nam	2025					50		50	
	XD CSHT - 285						**50**		**50**	
17	Quy hoạch chi tiết các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã	2025					50		50	
	Thương mại - 321						**1.500**		**1.500**	
18	Xây dựng quầy thông tin trưng bày giới thiệu và bán sản phẩm du lịch về nông nghiệp, sản phẩm làng nghề truyền thống, đồ lưu niệm… đạt chất lượng phục vụ khách du lịch	2025					1.500		1.500	
	XD CSHT - 285						**4.700**		**4.700**	
19	XD cơ sở hạ tầng khu quy hoạch dân cư thôn Kim Xuyên	2025					4.500		4.500	
20	Quy hoạch chi tiết 1/500 KDC phía nam trụ sở UBND xã	2025					200		200	

Số: 545/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2024-12-24T09:27:54+07:00

Tỉnh: Bình Định
Huyện: Tuy Phước
Xã: Phước Hòa

Mẫu biểu số : 05

BIỂU TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2025
(Theo TT số 344/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính)
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND xã Phước Hoà)

Đơn vị tính : đồng

NỘI DUNG	Ước thực hiên năm 2024			Kế hoạch năm 2025		
	Thu	Chi	Chênh lệch (+)(-)	Thu	Chi	Chênh lệch (+)(-)
TỔNG SỐ	**858.908.000**	**836.368.000**		**70.000.000**	**70.000.000**	
1/ Các quĩ tài chính nhà nước ngoài NS	**30.858.000**	**9.218.000**	**0**	**70.000.000**	**70.000.000**	**0**
- Quỹ PCTT	5.858.000	4.218.000	-	50.000.000	50.000.000	-
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa				15.000.000	15.000.000	
- Quỹ Ngày vì người nghèo	25.000.000	5.000.000		5.000.000	5.000.000	
2/ Các hoạt động sự nghiệp	**828.050.000**	**827.150.000**	**0**	**0**	**0**	**0**
- Hoạt động tài chính khác	828.050.000	827.150.000				